

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **100/2020/HS - ST**  
Ngày: 29/6/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Bùi Xuân Đăng**

**2. Ông Nguyễn Đức Thành**

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thùy Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa: **Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên**

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2020/HS- ST ngày 04/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST - HS ngày 15/6/2020 đối với bị cáo:

**PHẠM NGỌC M**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn M và bà Trần Thị N; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 0487 do Công an huyện T lập ngày 14/11/2019. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2019. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội - có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Đỗ Văn M – Văn phòng luật sư Đ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

- **Người bị hại:** Anh Nguyễn Ngọc A - Sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị N – Sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Chị Đỗ Thị Tiến S - Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Anh Nguyễn Ngọc A (Sinh năm: 1991, HKTT: Thôn 4, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội) và Phạm Ngọc M là bạn bè cùng đi nghĩa vụ quân sự với nhau. Ngày 30/04/2019, anh A hỏi vay của M số tiền 5.000.000 đồng. M đồng ý và dẫn anh A đến nhà của Nguyễn Tiến D ở xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Tại đây, M gặp và vay của vợ D là chị Nguyễn Thị L (sinh năm: 1978; HKTT: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội) số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, M đưa cho anh A vay số tiền 5.000.000 đồng trên. Một thời gian sau, anh A đã trả cho M số tiền 2.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 3.000.000 đồng. M đã nhiều lần gọi điện thoại để đòi anh A số tiền còn nợ nhưng anh A không trả và thất hứa nhiều lần.

Khoảng 12 giờ ngày 23/06/2019, Phạm Ngọc M gọi điện thoại và hẹn gặp anh A để nói chuyện về số tiền anh A còn nợ M. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Spacy BKS 29E1-674.69 đi đến quán bia C ở số 784, đường K, xã T, huyện T, Hà Nội để gặp M. Tại đây, M gọi điện thoại cho D và bảo D đến quán bia để gặp nhau. Khoảng 30 phút sau, D đi đến quán bia C gặp và nói với A “*đi về cửa hàng nói chuyện với anh tý*”. D chờ anh A đi đến bãi đất trống gần chùa B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Tại đây, D dùng tay tát anh A 02 cái và nói “*mày quýt tiền của tao phải không*”; “*một là mày mang tiền trả tao, hai là tao xuống nhà mày*” thì anh A xin trả nợ sau. Sau đó, D đi về còn anh A quay lại quán bia C gặp M. Khi gặp nhau, M nói với anh A “*tiền nong như thế nào mày*”, anh A xin trả nợ sau thì M không đồng ý và nói “*bây giờ một là mày để xe lại đây, hai là gọi người nhà mang tiền đến*”. Anh A nói “*tao không để xe lại đây được, không phải xe của tao*”. M chửi anh A đồng thời dùng tay phải lấy 02 cốc bia trên bàn lần lượt ném về phía anh A nhưng không trúng. Sau đó, anh A gọi điện thoại cho mẹ của anh A là bà Nguyễn Thị L (sinh năm: 1958; HKTT: Thôn 4, xã V, huyện T, Hà Nội) nhờ bà L mang tiền đến trả cho M. M nói qua điện thoại với bà L là “*cháu vừa cho nó 02 cái cốc vào mặt rồi đấy*” thì bà L sợ quá và tắt điện thoại. Sau đó, M nói “*thế giờ mày có trả tiền không*” thì anh A vẫn xin trả nợ sau. M liền lấy 01 chiếc điều cày bằng tre dài khoảng 50cm đánh 03 cái vào tay trái của anh A. Anh A bỏ chạy nên M đuổi theo nhưng không kịp, M nói với anh A “*mày có tin tao đập và đốt xe mày không*”. Anh A liền nói “*mày điên hả M*”. M dùng điều cày đập

vào phần đầu xe từ trên xuống; 01 nhát vào đuôi xe, 01 nhát vào đầu xe chỗ đèn pha và những bộ phận khác của xe Honda BKS 29E1-674.69 rồi dùng chân đạp đổ xe. Sau khi đạp đổ chiếc xe mô tô trên thì anh A quay lại chỗ M. M liền cầm chiếc điều cày đánh 01 phát vào tay phải của anh A và nói “*Thế tóm lại mày có trả tiền cho tao không*”, anh A vẫn xin trả nợ sau và không đồng ý để xe lại. M tiếp tục dọa anh A “*hôm này mày không cho tao hướng để trả tiền thì tao đốt cả cái xe của mày*” và M gọi điện cho anh Nguyễn Minh K (sinh năm: 1985; HKTT: xóm C, xã T, huyện T, Hà Nội) nhờ anh K mua hộ cho M 2 lít xăng mang xuống quán bia C. Khoảng 10 phút sau, anh K đi tới quán bia C nhưng không mang theo xăng. Lúc này, M đang yêu cầu anh A viết giấy cầm cố chiếc xe mô tô trên với nội dung “*tôi có nợ anh M 3.000.000 đồng, để lại chiếc xe máy Spacy hẹn mai đến trả tiền*”. Sau khi viết giấy cầm cố xong, M nhờ anh K ký với tư cách là người làm chứng. Sau đó, M và anh K đi về còn anh A gọi điện thoại cho bà L thông báo sự việc trên. Gia đình anh A đến quán bia C và đưa anh A đến đồn Công an C trình báo toàn bộ sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 300 ngày 10/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: phần thiệt hại hư hỏng của chiếc xe mô tô Honda Spacy BKS 29E1-674.69 phải sửa chữa, thay thế có giá trị 22.300.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 398 ngày 31/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Spacy BKS 29E1-674.69 có giá trị 10.060.000 đồng.

Sau khi nhận được thông báo kết luận định giá tài sản, Phạm Ngọc M và anh Nguyễn Ngọc A không đồng ý với Bản kết luận định giá số 300 ngày 10/08/2019 và Bản kết luận định giá tài sản số 398 ngày 31/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T. Ngày 02/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T có công văn đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong TTHS - Sở tài chính thành phố Hà Nội định giá phần thiệt hại hư hỏng do bị đập phá của chiếc xe mô tô Honda Spacy BKS 29E1-674.69 và giá trị 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Spacy BKS 29E1-674.69.

Tại công văn số 8429/HĐ ĐGTS ngày 13/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS - Sở tài chính thành phố Hà Nội xác định: yêu cầu định giá lại của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T không thuộc trường hợp phải định giá lại tài sản theo quy định của pháp luật.

**Tại cơ quan điều tra:**

- Phạm Ngọc M đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, xác định bản thân có trách nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho người bị hại. Bị cáo đã bồi thường một phần và nhà mẹ là bà Trần Thị N tiếp tục bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

- Anh A đã được gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại sửa chữa chiếc xe mô tô và chi phí chữa trị vết thương do bị cáo gây ra là 30.000.000đồng. Anh A từ chối giám định thương tích, không yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 29E1-674.69 quá trình điều tra xác định đây là xe của anh Nguyễn Phạm H (sinh năm, 1964; HKTT: Thôn 4, xã V, huyện T, Hà Nội) cho anh A mượn để đi lại, sau khi xảy ra sự việc trên anh A đã sửa chữa chiếc xe nêu trên và trả lại cho anh H, anh H đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác.

- Đối với Nguyễn Tiến D hiện vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa có kết quả. Ngày 14/05/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra Quyết định tách vụ án hình sự liên quan đến Nguyễn Tiến D để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý.

- Đối với anh Nguyễn Minh K, quá trình điều tra xác định anh K không biết việc M cướp tài sản, cố ý làm hư hỏng tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T không xử lý.

- Đối với 01 tờ giấy cầm cố, M yêu cầu anh A viết với nội dung “*tôi có nợ anh M 3.000.000 đồng, để lại chiếc xe máy Spacy hẹn mai đến trả tiền*”, M đã xé bỏ tờ giấy này nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T không thu hồi được.

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng anh A còn nợ M, M không yêu cầu anh A phải trả lại M số tiền này.

- Chị Đỗ Thị Tiến S không yêu cầu gì đối với 02 chiếc cốc và chiếc điều cày đã bị bị cáo làm vỡ, hỏng.

- Bà Trần Thị N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền bà N đã bồi thường thay cho bị cáo.

**Bản cáo trạng số 93/CT - VKSTT** ngày 02/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc M về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự ; tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 điều 178 Bộ luật hình sự.

**Tại phiên toà:**

\* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

\* Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Đỗ Văn M lập luận: Hành vi bị cáo đã thực hiện xuất phát từ lỗi của người bị hại nợ tiền bị cáo nhưng không trả và lẩn tránh. Bị cáo không có ý thức và thực tế không chiếm đoạt được tài sản gì của người bị hại. Việc bị cáo ném cốc, dùng điều cày tre đánh, đập xe của người bị hại không làm người bị hại rơi vào tình trạng tê liệt ý chí. Việc truy tố bị cáo phạm tội cướp tài sản với tình tiết tăng nặng định khung “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” là quá nặng, không đúng người, không đúng tội và không đúng pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình, xã hội.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng điểm d khoản 2 điều 168; khoản 1 điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54, điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt Bị cáo từ 5 năm 6 tháng tù đến 6 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản; xử phạt từ 6 -12 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 6 năm đến 7 năm 06 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Phần dân sự không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết

luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 23/6/2019, tại quán bia C, số 784 đường K, xã T, huyện T, Hà Nội, Phạm Ngọc M đã dùng 02 cốc bia bằng thủy tinh, điều cày bằng tre dài 50cm (là phương tiện nguy hiểm) ném và đánh vào người anh Nguyễn Ngọc A buộc anh A phải trả bị cáo số tiền 3.000.000đồng. Đồng thời, bị cáo sử dụng chiếc điều cày đập chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Spacy BKS 29E1 – 674.69 của anh A làm hư hỏng chiếc xe với giá trị thiệt hại phải sửa chữa là 22.300.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ lỗi của người bị hại. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu, sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

**[3]** Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại để khắc phục hậu quả; người bị hại có một phần lỗi, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo và bản thân bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự, nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo cùng lúc phạm 2 tội nên áp dụng nguyên tắc tổng hợp hình phạt được quy định tại điều 55 Bộ luật hình sự.

**[4]** Về dân sự, xử lý vật chứng của vụ án:

- Người bị hại là anh Nguyễn Ngọc A bị bị cáo đánh gây thương tích và làm hư hỏng chiếc xe mô tô với giá trị sửa chữa là 22.300.000đồng. Anh A từ chối giám

định thương tích và đã được gia đình bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe, chi phí điều trị vết thương với tổng số tiền 30.000.000đồng. Anh A không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Bà Trần Thị N không yêu cầu gì về số tiền bà N đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chiếc xe mô tô BKS 29E1-674.69 là xe của anh Nguyễn Phạm H (là cậu ruột của anh A) cho anh A mượn để đi lại. Anh A đã sửa chữa chiếc xe nêu trên, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh H. Anh H, đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 tờ giấy cầm cố, M yêu cầu anh A viết với nội dung “*tôi có nợ anh M 3.000.000 đồng, để lại chiếc xe máy Spacy hẹn mai đến trả tiền*”, M đã xé bỏ tờ giấy này nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T không thu hồi được.

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng anh A còn nợ M, M không yêu cầu anh A phải trả lại M số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Đỗ Thị Tiến S không yêu cầu gì đối với 02 chiếc cốc và chiếc điều cày đã bị bị cáo làm vỡ, hỏng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]. Về các vấn đề khác của vụ án:**

- Đối tượng Nguyễn Tiến D hiện vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa có kết quả. Ngày 14/05/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến Nguyễn Tiến D để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Nguyễn Minh K, quá trình điều tra xác định anh K không biết việc M cướp tài sản, cố ý làm hư hỏng tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[6]** Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 134, 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[7]** Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự.

***Vì các lẽ trên;***

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Ngọc M phạm tội "Cướp tài sản" và "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

**2. Áp dụng điểm d khoản 2 điều 168; khoản 1 điều 178; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 54; điều 55 của Bộ luật hình sự.**

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc M 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản"; 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/11/2019.

**3. Về án phí:** Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị N) có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chị Đỗ Thị Tiến S) có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;
- Công an huyện T, TP Hà Nội;
- Cơ sở giam giữ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T, Hà Nội;
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**



